

CÁC BỘ

**BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
MÔI TRƯỜNG**

**QUYẾT ĐỊNH số 30/2002/QĐ-BKHCNMT
ngày 17/5/2002 về việc ban hành
Quy định về đo lường đối với hàng
đóng gói sẵn định lượng theo khối
lượng hoặc theo thể tích.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10
năm 1999;*

*Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5
năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn
và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ
và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục
Tiêu chuẩn đo lường chất lượng,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này
Quy định về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn
định lượng theo khối lượng hoặc theo thể tích.

Điều 2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn
đo lường chất lượng chịu trách nhiệm hướng dẫn
và kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15
ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất

lượng, các Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách
nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng
Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
Thứ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

**QUY ĐỊNH về đo lường đối với hàng
đóng gói sẵn định lượng theo khối
lượng hoặc theo thể tích**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 30/2002/
QĐ-BKHCNMT ngày 17/5/2002 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).*

1. Quy định chung.

1.1. Quy định này quy định những yêu cầu về
đo lường đối với hàng hóa được ghi nhãn và
đóng gói với lượng định mức bằng nhau theo
khối lượng hoặc thể tích (sau đây gọi tắt là hàng
đóng gói sẵn) và dùng để kiểm tra hàng đóng gói
sẵn thuộc Danh mục phải quản lý nhà nước về đo
lường do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
ban hành.

Văn bản này có thể được tham khảo áp dụng
đối với hàng đóng gói sẵn không thuộc Danh
mục nói trên.

1.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu,
sang bao (chai), đóng gói và buôn bán hàng đóng
gói sẵn thuộc Danh mục nói trên (sau đây gọi tắt
là doanh nghiệp) phải đảm bảo hàng đóng gói sẵn
đúng định lượng theo Quy định này.

1.3. Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

chịu trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra hàng đóng gói sẵn. Việc kiểm tra hàng đóng gói sẵn được thực hiện tại doanh nghiệp.

1.4. Những thuật ngữ sử dụng trong Quy định này được hiểu như sau:

1.4.1. Hàng đóng gói sẵn là hàng hóa được định lượng và đóng gói không có sự chứng kiến của khách hàng.

1.4.2. Lượng định mức (Q_n) của đơn vị hàng đóng gói sẵn là lượng hàng hóa được ghi trên bao bì.

1.4.3. Lượng chứa thực (Q_r) của đơn vị hàng đóng gói sẵn là lượng thực của hàng hóa chứa trong bao bì; trường hợp đóng gói theo khối lượng là khối lượng tịnh, theo thể tích là thể tích tịnh.

1.4.4. Lượng chứa tối thiểu cho phép (Q_{min}) của đơn vị hàng đóng gói sẵn là hiệu số giữa lượng định mức (Q_n) và giới hạn thiếu cho phép (T) được quy định trong Bảng 1.

1.4.5. Đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp (gọi tắt là đơn vị không phù hợp) là đơn vị hàng đóng gói sẵn có lượng chứa thực (Q_r) nhỏ hơn lượng chứa tối thiểu cho phép (Q_{min}).

1.4.6. Lô hàng đóng gói sẵn (gọi tắt là lô) là tập hợp các đơn vị hàng đóng gói sẵn cùng một lượng định mức được đóng gói trong cùng một điều kiện.

1.4.7. Cỡ lô (N) là số đơn vị hàng đóng gói sẵn có trong lô.

Tại doanh nghiệp thực hiện việc sang bao (chai), đóng gói, cỡ lô được tính bằng số đơn vị hàng đóng gói sẵn của một đợt nhập kho nhưng không quá 10.000 đơn vị. Tại doanh nghiệp sản xuất, cỡ lô được tính bằng sản lượng của dây chuyền đóng gói trong một giờ; trường hợp này cỡ lô có thể lớn hơn 10.000 đơn vị.

1.5. Hàng đóng gói sẵn phải được ghi nhãn

theo quy định của pháp luật hiện hành về ghi nhãn hàng hóa.

2. Yêu cầu về đo lường.

2.1 Giới hạn thiếu cho phép.

Giới hạn thiếu cho phép của đơn vị hàng đóng gói sẵn có lượng định mức Q_n được quy định trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1

Lượng định mức (Q_n) (g hoặc mL)	Giới hạn thiếu cho phép T (*)	
	Theo phần trăm của Q_n	Theo g hoặc mL
Đến 50	9	-
Trên 50 đến 100	-	4,5
Trên 100 đến 200	4,5	-
Trên 200 đến 300	-	9
Trên 300 đến 500	3	-
Trên 500 đến 1000	-	15
Trên 1000 đến 10000	1,5	-
Trên 10000 đến 15000	-	150
Trên 15000 đến 25000	1,0	-
Trên 25000	2,0	-

(*) Ghi chú: Giá trị T được làm tròn lên, đến phần mười của g (hoặc mL) đối với Q_n nhỏ hơn hoặc bằng 1.000 g (hoặc mL) và đến hàng đơn vị của g (hoặc mL) đối với Q_n lớn hơn 1.000 g (hoặc mL).

2.2. Giá trị trung bình.

2.2.1. Khi kiểm tra 100% lô hàng đóng gói sẵn, giá trị trung bình lượng chứa thực Q_{tb} của lô hàng đóng gói sẵn phải không nhỏ hơn lượng định mức Q_n .

2.2.2. Khi kiểm tra lô hàng đóng gói sẵn theo phương pháp lấy mẫu, giá trị trung bình lượng chứa thực X_b của mẫu không được nhỏ hơn trị số quy định dưới đây:

$$X_{tb} \geq Q_n - \frac{t}{\sqrt{n}} s$$

Trong đó:

- n là số lượng mẫu kiểm tra;
- t là hằng số Student ứng với P = 99%;
- s là độ lệch bình phương trung bình lượng chứa thực của các mẫu tính theo công thức sau:

$$s = \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=1}^n (X_i - X_{tb})^2}$$

Với X_i là lượng chứa thực của đơn vị thứ i trong mẫu.

2.3. Số đơn vị không phù hợp.

2.3.1. Khi kiểm tra 100% lô hàng đóng gói sẵn, số đơn vị không phù hợp có trong lô không được lớn hơn 2% của cỡ lô (N); trong đó không có đơn vị hàng đóng gói sẵn nào có lượng thiếu lớn hơn hai lần giới hạn thiếu cho phép.

2.3.2. Khi kiểm tra lô hàng đóng gói sẵn theo phương pháp lấy mẫu, số đơn vị không phù hợp có trong mẫu không được lớn hơn số đơn vị không phù hợp cho phép tùy theo phương pháp lấy mẫu.

3. Tiến hành kiểm tra.

3.1. Đối với hàng đóng gói sẵn định lượng theo khối lượng:

Xác định khối lượng tịnh của hàng hóa cho từng đơn vị hàng đóng gói sẵn bằng cách cân để xác định khối lượng cả bì sau đó trừ đi khối lượng bì.

3.2. Đối với hàng đóng gói sẵn định lượng theo thể tích:

Xác định thể tích tịnh của hàng hóa cho từng đơn vị hàng đóng gói sẵn bằng phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

Phương pháp trực tiếp: Đong chất lỏng bằng phương tiện đong (bình đong định mức, ống đong khắc độ).

Phương pháp gián tiếp: Xác định thể tích hàng hóa bằng cách cân để xác định khối lượng và khối lượng riêng của hàng hóa.

3.3. Phương pháp lấy mẫu để kiểm tra hàng đóng gói sẵn do Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng quy định./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thứ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

QUYẾT ĐỊNH số 31/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 17/5/2002 về việc ban hành Quy định về đo lường đối với các phép đo trong thương mại bán lẻ.

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

Căn cứ Điều 18 Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14 tháng 1 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng,